

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3074/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 86/TTr-SKH-CN ngày 19 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và ký các biên bản nghiệm thu khối lượng; biên bản nghiệm thu sản phẩm; biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên cơ sở danh mục dịch vụ sự nghiệp công được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân

sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 2794/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng



Người ký: Hội đồng nhân
dân tỉnh Đồng Nai
Email:
hondn@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 22.09.2022
14:03:36 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;
Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 583/BC-BKTNS ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm:

1. Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

3. Dịch vụ lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

4. Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ).

5. Dịch vụ lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.

(Phụ lục danh mục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 9 năm 2022. / *phước*

Nơi nhận: *6/*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Vụ Pháp chế Bộ KHCN, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
Kết luận Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	NỘI DUNG
I	Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ
1	Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phát triển công nghệ.
1.1	Xuất bản và cung cấp các xuất bản phẩm định kỳ, ấn phẩm chuyên đề, tạp chí thuộc lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
1.2	Khai thác bản thảo, bản quyền và dịch thuật các xuất bản phẩm trong lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ.
1.3	Phổ biến thông tin về khoa học và công nghệ.
1.4	Dịch vụ thông tin, truyền thông (sản xuất phim, phóng sự, tin, bài), phổ biến kiến thức, triển lãm, hội chợ công nghệ, tổ chức sự kiện, hội chợ sách về khoa học và công nghệ.
1.5	Dịch vụ khai thác các cơ sở dữ liệu liên quan đến đánh giá khoa học và công nghệ.
1.6	Hỗ trợ khai thác sáng chế.
1.7	Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ.
1.8	Hỗ trợ phát triển thị trường khoa học công nghệ.
1.9	Duy trì và phát triển hệ thống dịch vụ điện tử trực tuyến trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; Khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ.
1.10	Dịch vụ tìm kiếm, phân tích thông tin sáng chế.
1.11	Cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
2	Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
2.1	Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
2.2	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các dịch vụ khác).
2.3	Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
2.4	Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
2.5	Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.
3	Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ
3.1	Môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ.
3.2	Đánh giá, giám định công nghệ.
3.3	Thẩm định hoặc có ý kiến về cơ sở khoa học và công nghệ của các dự án đầu tư, các quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác của địa phương theo thẩm quyền.
3.4	Dịch vụ định giá tài sản trí tuệ, thương hiệu.
4	Thẩm định cơ sở khoa học của phát triển kinh tế - xã hội; thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
5	Đánh giá hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.
6	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ của địa phương.
II	Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật)
1	Xây dựng, thẩm định các tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2	Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; quy chuẩn kỹ thuật địa phương, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
3	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.
4	Thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi đã đăng ký, được chỉ định.
5	Đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định.
5.1	Thực hiện hoạt động thử nghiệm, giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước.
5.2	Kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu trong lĩnh vực được phân công.
5.3	Chứng nhận sản phẩm hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.
6	Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
7	Tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
8	Dịch vụ tư vấn, hướng dẫn tham gia Tổ chức Giải thưởng chất lượng quốc gia.
III	Dịch vụ lĩnh vực sở hữu trí tuệ
1	Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.
1.1	Dịch vụ giám định về sáng chế.
1.2	Dịch vụ giám định về kiểu dáng công nghiệp.
1.3	Dịch vụ giám định về thiết kế bố trí mạch tích hợp.
1.4	Dịch vụ giám định về nhãn hiệu.
1.5	Dịch vụ giám định về chỉ dẫn địa lý.
1.6	Dịch vụ quản trị tài sản trí tuệ.
IV	Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ)
1	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin, quản trị hạ tầng công nghệ thông tin khoa học và công nghệ.
1.1	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ.
1.2	Xây dựng và quản trị hạ tầng công nghệ thông tin khoa học và công nghệ.
1.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin và truyền thông khoa học và công nghệ.
1.4	Xây dựng, cập nhật, cung cấp, khai thác cơ sở dữ liệu về hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ, danh mục công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, công bố khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, nhân lực nghiên cứu và phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.
2	Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm khoa học và công nghệ, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
2.1	Tổ chức hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
2.2	Xây dựng và vận hành sàn giao dịch công nghệ thiết bị trực tuyến.
2.3	Tổ chức hoạt động giao dịch thông tin công nghệ và thiết bị.
2.4	Tư vấn môi giới, kết nối cung cầu mua bán công nghệ, chuyên giao công nghệ.
2.5	Tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm khoa học và công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị.
3	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông khoa học và công nghệ. Xây dựng duy trì và phát triển cổng thông tin khoa học và công nghệ. Hoạt động thư viện, thống kê trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.
3.1	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông khoa học và công nghệ.
3.2	Xây dựng và phát triển cổng thông tin khoa học và công nghệ.
3.3	Hoạt động thống kê khoa học và công nghệ: - Điều tra thống kê khoa học và công nghệ;

	- Hoạt động nghiệp vụ thông kê khoa học và công nghệ.
3.4	Hoạt động thư viện khoa học và công nghệ: - Tra cứu và cung cấp thông tin; - Xử lý thông tin, cập nhập mục lục tài liệu; - Lưu trữ bảo quản và phục chế tài liệu; - Phục vụ bạn đọc tại chỗ và trực tuyến.
3.5	Tra cứu, cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin khoa học và công nghệ.
3.6	Phát triển hạ tầng thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, các trang thông tin và cổng thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; thiết lập, triển khai các mạng thông tin khoa học và công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; xây dựng thư viện điện tử, thư viện số.
3.7	Xây dựng và cập nhật các cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, cơ sở dữ liệu thông kê khoa học và công nghệ của địa phương.
3.8	Hướng dẫn và triển khai thực hiện công tác thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.
3.9	Cung cấp thông tin phục vụ xác định, tuyển chọn, thực hiện và đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các nhiệm vụ khác.
4	Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.
4.1	Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân
4.2	Hoạt động thông tin, tuyên truyền lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.
V	Dịch vụ lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân
1	Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn quốc gia trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân.
1.1	Quan trắc phóng xạ môi trường.
1.2	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân tại địa phương.
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử: - Đánh giá giám định công nghệ bức xạ, công nghệ hạt nhân; - Kiểm xạ; - Tẩy xạ; - Đánh giá hoạt độ phóng xạ; - Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; - Đo liều chiếu xạ cá nhân; - Kiểm định thiết bị bức xạ.
3	Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trên địa bàn tỉnh.